

Bản án số: 26/2019/HS-ST

Ngày 25- 6- 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung

Thẩm phán: Ông Nguyễn Gia Lương

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chiến

Ông Ngô Văn Bê

Ông Vũ Hải Đăng

- Thư ký phiên tòa: Bà Thân Thị Hải Minh- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Địch Bình- Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 23/2019/TLST-HS ngày 10/5/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2019/QĐXXST- HS ngày 06/6/2019.

Họ và tên: **Đỗ Duy N**, sinh năm 1977.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã N3, huyện T4, tỉnh Bắc Giang;
Nghề nghiệp: Làm ruộng; Văn hóa: 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; có bố là Đỗ Ngọc B, sinh năm 1940 (đã chết); mẹ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1950; có vợ là Nguyễn Thị N1, sinh năm 1985 (đã ly hôn); có 1 con Đỗ Hồng Đ, sinh năm 2000; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị can đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/11/2018. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang.

- Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Duy N:

Luật sư Trần Văn A, luật sư Võ Thị An B1- Văn phòng luật sư A1 - Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang. Luật sư Bình có mặt, luật sư An vắng mặt.

- Bị hại:

Chị Nguyễn Thị N1, sinh năm 1985. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn P, xã N3, huyện T4, tỉnh Bắc Giang.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1950. Có mặt.

2. Anh Đỗ Hồng Đ, sinh năm 2000. Có mặt.

Đều trú tại: Thôn P, xã N3, huyện T4, tỉnh Bắc Giang.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Trần Tiến H, sinh năm 1963. Có mặt.

2. Bà Phạm Thị T1, sinh năm 1964. Có mặt.

3. Chị Vi Thị Minh Q (Vi Thị Q), sinh năm 1982. Có mặt.

Đều trú tại: Thôn C, xã N3, huyện T4, tỉnh Bắc Giang.

4. Chị Đinh Thị N2, sinh năm 1997. Có mặt.

5. Chị Khúc Thị L, sinh năm 1973. Vắng mặt.

Đều trú tại: Thôn C1, xã G, huyện T4, tỉnh Bắc Giang.

6. Ông Phạm Văn T2, sinh năm 1962. Có mặt.

Trú tại: Thôn C2, xã Q1, huyện T4, tỉnh Bắc Giang.

7. Anh Vũ Anh Đ, sinh năm 1976. Có mặt.

8. Chị Đỗ Thị N3, sinh năm 1980. Có mặt.

Đều trú tại: Phố T5, thị trấn N3, huyện T4, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Duy N, sinh năm 1977 có hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã N3, huyện T4, tỉnh Bắc Giang đã ly hôn vợ và nhận nuôi con là Đỗ Hồng Đ, sinh năm 2000. Khoảng cuối năm 2016, N quen biết và nảy sinh quan hệ tình cảm với chị Nguyễn Thị N1, sinh năm 1985 trú tại thôn C, xã N3, huyện T4 (chị N1 đã ly hôn và nuôi con là T3, sinh năm 2005). N chuyển đến ở cùng chị N1 tại quán cắt tóc, gội đầu (quán do chị N1 thuê của ông Trần Tiến H ở cùng thôn). Tháng 02/2017, N và chị N1 tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn. Từ giữa năm 2018, N và chị N1 xảy ra mâu thuẫn cãi nhau do N không có việc làm, thu nhập không ổn định. Ngày 20/11/2018, cháu Đ đi học về gọi điện xin N 300.000 đồng nhưng N không có nhà nên bảo

cháu Đ xin chị N1. Cháu Đ đến xin tiền nhưng chị N1 không cho. Tối hôm đó, N và chị N1 xảy ra cãi nhau, N dùng 01 chiếc chảo đập xuống nền nhà rồi lấy xe máy Honda Wave α biển số 98H1- 168.29 (là xe của chị N1) bỏ đi. Chị N1 mang con về ở tại xã Q1, huyện T4 và khóa cửa quán bằng hai chiếc khóa (01 khóa N không có chìa khóa). Lúc sau, N quay lại quán, không mở được cửa nên gọi điện báo chị N1 về mở cửa nhưng chị N1 không về. N phá khóa vào trong nhà đập phá đồ đạc và lấy một số tài sản (tủ lạnh, máy lọc nước, quạt), đi xe máy biển số 98H1- 168.29 về ở tại nhà bà Nguyễn Thị T là mẹ N ở thôn P, xã N3, huyện T4. Ngày hôm sau, chị N1 thấy cửa hàng bị phá khóa, tài sản bị đập phá và mất một số tài sản nên làm đơn trình báo Công an xã N3. Sau đó, N đã mang trả tủ lạnh, máy lọc nước, quạt cho chị N1, còn chiếc xe máy biển số 98H1- 168.29 N dùng để đi lại rồi đổi xe với chị Đỗ Thị N3 (em gái N), sinh năm 1981 trú tại phố T5, thị trấn N3, huyện T4 (xe máy Honda Lead biển số 98D1- 471.00 của chị N3).

Sáng ngày 27/11/2018, N đi xe máy Honda Lead biển số 98D1- 471.00 đến ăn cơm, uống rượu ở thôn C1, xã G, huyện T4 rồi về nhà bà T. Khoảng 13 giờ cùng ngày, vợ chồng chị Đỗ Thị N3 mang xe máy biển số 98H1- 168.29 đến trả chị N1 và khuyên chị N1 rút đơn trình báo sự việc N đập phá đồ đạc, lấy tài sản ở quán (chồng chị N3 đi về trước). Chị N3 gọi điện báo N mang xe máy biển số 98D1- 471.00 ra trả chị N3 thì N bảo chị N3 đi xe máy biển số 98H1- 168.29 vào đổi nhưng chị N3 không đồng ý. N bảo chị N1 đi xe máy biển số 98H1- 168.29 đổi nhưng chị N1 không đi. Chị N1 mang xe máy 98H1- 168.29 sang gửi nhà chị Vi Thị Minh Q, sinh năm 1982 ở thôn C, xã N3, huyện T4. Lúc sau, N xuống bếp nhà bà T lấy 01 con dao chuôi bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại dạng một lưỡi sắc, phần chuôi hình trụ tròn dài 12,5cm, đường kính 3,5cm, phần lưỡi kích thước (23x7,6)cm (dao N mua để ở bếp nhà bà T) cho vào cốp xe máy biển số 98D1- 471.00 rồi đi đến quán cắt tóc của chị N1. Khi đến quán, N vào hỏi và bảo chị N1 đưa chiếc xe máy biển số 98H1- 168.29 thì chị N1 nói cất ở chỗ khác. N đi ra chỗ để xe máy 98D1- 471.00 mở cốp lấy dao cầm ở tay phải đi vào, túm cổ áo chị N1 định chém thì chị Q can ngăn, chị N1 vùng chạy vào phía trong quán, N cầm dao đuổi theo. Chị N1 chạy đến cửa bếp thì N đuổi kịp, vung dao lên chém một nhát vào phía sau đầu chị N1 làm chị N1 ngã xuống nền nhà. N xông vào, cúi người dùng dao chém liên tiếp nhiều nhát vào đầu, mặt và tay chị N1. Thấy chị N1 chảy nhiều máu và nằm im, N vứt dao xuống, bỏ ra ngoài lấy xe máy biển số 98D1- 471.00 đến Công an xã N3 đầu thú, giao nộp 01 điện thoại, 01 xe máy và 01 áo phông cộc tay màu trắng, có kẻ ngang màu đỏ, áo có chữ "Adidas", trên áo có vết

bám dính màu đỏ dạng giọt nghi là máu. Chị N1 bị thương nặng được mọi người đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang cấp cứu.

Khám nghiệm hiện trường: Hiện trường nơi xảy ra sự việc tại cửa hàng cắt tóc của chị Nguyễn Thị N1, sinh năm 1985 ở thôn C, xã N3, huyện T4, tỉnh Bắc Giang. Cửa hàng là công trình cấp bốn, xây dựng kiểu nhà ống, mái lợp fibro ximăng. Cửa hàng có cửa chính hướng Tây dạng cửa xếp bằng kim loại dạng hai cánh đẩy sang hai bên, kích thước (2,94x 2,48)m. Phía trước cửa là sân bê tông, kích thước (5x 4,5)m và đường bê tông xã N3 đi xã G, huyện T4, tỉnh Bắc Giang rộng 3,5m.

Phía Bắc giáp nhà ở của gia đình ông Trần Tiến H, sinh năm 1963 trú tại thôn C, xã N3, huyện T4. Phía Đông và phía Nam giáp với vườn nhà ông Trần Tiến H, sinh năm 1963 trú tại thôn C, xã N3, huyện T4.

Cửa hàng gồm hai gian: Gian trước có kích thước (7,2x 4)m, trần được đóng bằng kim loại, nền lát gạch hoa sẫm màu; gồm 02 cửa, cửa chính phía trước (là cửa chính của cửa hàng), cửa sau ở góc phía Đông Bắc của gian trước mở dẫn vào gian phía sau, dạng hai cánh gỗ mở ra ngoài kích thước (2,12x 0,83)m. Phía trước gian ngoài là khu vực để thiết bị phục vụ kinh doanh cắt tóc, gội đầu. Góc phía Đông Nam là giường ngủ, ngăn giữa giường ngủ với khu vực kinh doanh là tủ tivi, tiếp giáp với giường ngủ về phía Bắc là tủ quần áo.

Gian phía sau là gian bếp và nhà vệ sinh có kích thước (4x3,9)m, trần lợp mái tôn, nền xi măng. Góc phía Đông Nam là nhà vệ sinh, xung quanh gian bếp được đặt các đồ đạc dùng sinh hoạt. Góc phía Tây Bắc của gian bếp cửa mở thông với gian bếp nhà ông Trần Tiến H, cửa dạng một cánh bằng kim loại mở vào trong, kích thước (1,73x0,65)m, cao cách nền 0,37m.

Trên nền gian bếp phát hiện 01 dấu vết máu dạng vũng có lẫn lông tóc, kích thước (135x70)cm. Tâm vết cách mép tường phía Bắc và mép tường phía Đông gian bếp lần lượt là 0,93m và 3,1m. Trên nền gian bếp, ngay cạnh vết máu có 01 chiếc ghế tựa bằng kim loại, đệm da màu đỏ đỏ về phía Nam, kích thước (73x40x40)cm. Trên nền gian bếp, nền gian phía trước và nền sân trước cửa hàng phát hiện một đám dấu vết máu dạng nhỏ giọt từ dấu vết máu dạng vũng ra đến sân phía trước cửa hàng, dài 11,9m, chỗ rộng nhất là 0,3m.

Trên nền gian phía trước, tại vị trí sát mép tường phía Bắc, cách mép tường phía Đông của gian trước 1,72m có 01 thùng bìa carton đựng một số đồ dùng, phía bên trên thùng bìa carton phát hiện 01 con dao chuôi bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại, dạng một lưỡi sắc, phần chuôi gỗ dạng hình trụ tròn dài 12,5cm, đường kính 3,5cm, phần lưỡi có kích thước (23x7,6)cm, trên lưỡi dao bám dính máu và lông

tóc. Phần đuôi dao sát tường phía Bắc, cách chân tường phía Đông của gian trước 2,15m; phần mũi dao cách mép tường phía Đông của gian trước 1,95m; phần lưỡi dao hướng về phía gian bếp.

Mở rộng khám nghiệm không phát hiện dấu vết, tài liệu, đồ vật khác có liên quan. Quá trình khám nghiệm, Cơ quan điều tra thu giữ 01 con dao chuôi bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại dạng một lưỡi sắc, phần chuôi dao hình trụ tròn và mẩu máu trên nền gian bếp để giám định. (Bút lục 134 -137).

Ngày 28/11/2018, chị Nguyễn Thị N4, sinh năm 1990 trú tại thôn N5, xã Q1, huyện T4 (em gái chị N1) giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 đơn trình báo của chị N1 và 01 USB nhãn hiệu Toshiba bên trong có chứa các file video ghi lại diễn biến vụ việc do chị N4 trích xuất từ camera tại quán cắt tóc của chị N1. (Bút lục 152- 154).

Tại Giấy chứng nhận thương tích ban đầu đối với chị Nguyễn Thị N1 ngày 29/11/2018 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang xác định:

- *Chị Nguyễn Thị N1 vào viện hồi 15 giờ ngày 27/11/2018, với các thương tích:*

+ *03 vết thương tự do vùng đầu: 01 vết thương vùng đỉnh chẩm trái, kích thước (18x10) cm, lóc da cơ rộng gây vỡ xương sọ thông vào não; 01 vết thương giữa đỉnh kích thước (10x2)cm, mở bản ngoài xương sọ; 01 vết thương vùng đỉnh chẩm phải, kích thước (15x8)cm, lóc da cơ mở xương sọ.*

+ *Vết thương toác xương gò má cung tiếp, từ tai trái đến bờ dưới ổ mắt trái, kích thước (18x10)cm;*

+ *Vết thương tách ngang 1/3 trên vành tai trái, hố sụn;*

+ *Vết thương tự do mu tay trái (gần ô mô út) + cánh tay trái, vết thương gây đứt gân duỗi ngón 5 + Duỗi cổ tay trụ và đứt 1 phần cơ tam đầu + mẻ xương cánh tay.*

CT- Sanner: hình ảnh ổ dập não nhỏ thùy đỉnh trái kèm vài mảnh xương nhỏ di trú bên trong. Chảy máu khoang dưới nhện vùng thái dương đỉnh trái. Tụ khí nội sọ vùng trán và đỉnh trái. Hình ảnh cửa sổ xương đỉnh trái. Tụ khí nội sọ vùng trán và đỉnh trái. (Bút lục 36).

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định xác định thương tích, cơ chế hình thành thương tích của chị Nguyễn Thị N1 và trưng cầu dấu vết trên những vật chứng đã thu giữ.

Kết luận giám định số 8599/18/TgT ngày 30/11/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Bắc Giang kết luận:

1. *Dấu hiệu chính qua giám định:*

- Thương tích vết thương đã khâu vùng đỉnh chẩm trái + Vỡ xương sọ thông vào não + CT- Scanner: Hình ảnh ổ dập não nhỏ thùy đỉnh trái kèm vài mảnh xương nhỏ di trú bên trong. Chảy máu khoang dưới nhện vùng thái dương đỉnh trái: 48%.

- Thương tích vết thương đã khâu vùng giữa đỉnh + Mẻ bản ngoài xương sọ: 7%.

- Thương tích vết thương đã khâu vùng đỉnh chẩm phải + Mẻ bản ngoài xương sọ: 7%.

- Thương tích vết thương đã khâu gò má trái, tai trái và vết dẫn lưu + toác xương gò má cung tiếp trái: 12%.

- Thương tích vết thương đã khâu vành tai trái 1/3 trên: 2%.

- Thương tích vết thương đã khâu cánh tay trái + đứt gân duỗi cổ tay trụ và đứt một phần cơ tam đầu + Mẻ xương cánh tay trái: 5%.

- Thương tích vết thương đã khâu mu tay trái: 2%.

2. Kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 58%.

3. Kết luận khác:

- Cơ chết, vật gây thương tích, đặc điểm vật gây thương tích: Thương tích do vật sắc gây nên, không xác định được chiều hướng và đặc điểm gây thương tích.

- Chưa đánh giá ảnh hưởng động tác gấp duỗi ngón tay do đang điều trị.

- Trong giám định pháp y không sử dụng thuật ngữ "cố tật" mà chỉ xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do di chứng vết thương, chấn thương gây ra tại thời điểm giám định. (Bút lục 39).

Cơ quan điều tra quyết định trưng cầu giám định bổ sung xác định thương tích của chị Nguyễn Thị N1. Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 8747/19/TgT ngày 14/3/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Bắc Giang kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Thương tích vết sọ vùng đỉnh chẩm trái + Vỡ xương sọ thông vào não + CT- Scanner: Hình ảnh ổ dập não nhỏ thùy đỉnh trái kèm vài mảnh xương nhỏ di trú bên trong. Chảy máu khoang dưới nhện vùng thái dương đỉnh trái + CT- Scanner sọ não: Hình ảnh ổ khuyết não nhỏ ở vỏ não đỉnh (T), ĐK ~21mm. Mảnh khuyết xương sọ thái dương đỉnh (T), KT~35x60mm, đã được che phủ bằng vật liệu nhân tạo: 55%.

- Thương tích vết sọ vùng giữa đỉnh + Mẻ bản ngoài xương sọ: 7%.

- Thương tích vết sọ vùng đỉnh chẩm phải + Mẻ bản ngoài xương sọ: 7%.

- Thương tích vết sọ gò má trái, tai trái + Toác xương gò má cung tiếp trái: 12%.

- Thương tích vết sọc vành tai trái 1/3 trên: 2%.

- Thương tích vết sọc cánh tay trái + Đứt gân duỗi cổ tay trụ và đứt một phần cơ tam đầu + Khám thần kinh, vận động: Vận động bàn tay trái bình thường + X-quang: Mẻ vỏ xương, còn dị vật cản quang găm xương bờ sau ngoài 1/3 dưới xương cánh tay trái: 11%.

- Thương tích vết sọc mu tay trái: 2%.

2. Kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 71%.

3. Kết luận khác: Việc bị can Đỗ Duy N cầm con dao có đặc điểm nêu trên tại tay phải đuổi theo phía sau, cách chị N1 khoảng 01 mét chém một nhát hướng từ trên xuống dưới trúng phía sau đầu chị N1 khiến chị N1 ngã gục. Sau đó, N cúi người chém liên tiếp về phía đầu, mặt chị N1 (chị N1 giơ tay lên đỡ) tạo được các vết thương trên cơ thể nạn nhân như mô tả tại Giấy chứng nhận thương tích ban đầu mã số 08/BV-01 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang cấp ngày 29/11/2018. Các vết thương do lưỡi dao gây ra. Lực tác động các vết thương mạnh. (Bút lục 109, 110, 111)

Bản kết luận giám định pháp y về ADN số 248/18/TC-ADN ngày 03/12/2018 của Viện pháp y Quốc gia kết luận:

- Trên mẫu M3 (chiếc áo phong cộc tay màu trắng kẻ sọc ngang màu đỏ), trên mẫu M4 (con dao dạng dao một lưỡi sắc, đầu bằng), trên mẫu M5 (miếng gạc y tế thấm dịch màu nâu đỏ- mẫu thu tại hiện trường) có máu người.

- ADN thu từ vết máu trên các mẫu M3, M4, M5 trùng khớp hoàn toàn với ADN của Nguyễn Thị N1.

- ADN thu từ vết máu trên các mẫu M3, M4, M5 không trùng khớp với ADN của Đỗ Duy N. (Bút lục 45, 46, 47).

Bản kết luận giám định hóa pháp số 576/387/447-478/18/HP ngày 30/11/2018 của Viện pháp y Quốc gia kết luận:

- Trong mẫu máu của Đỗ Duy N, sinh năm 1977 do Cơ quan CSĐT Công an huyện T4, tỉnh Bắc Giang gửi tới giám định ngày 28/11/2018 có tìm thấy Ethanol với hàm lượng 123,85mg/100ml máu và không tìm thấy các chất ma túy nêu trên. (Bút lục 48).

Cơ quan điều tra kiểm tra dữ liệu trong chiếc USB Toshiba đã thu giữ kết quả có hình ảnh Đỗ Duy N cầm 01 con dao trên tay phải, tay trái túm cổ chị N1. Khi này chị Q can ngăn N; hình ảnh chị N1 vùng chạy về phía sau quán, N cầm dao chạy đuổi theo. (Bút lục 158).

Trong quá trình điều tra, bị can N khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. (bút lục 279- 280).

Đối với việc N có hành vi đập phá đồ đạc, tài sản tại quán cắt tóc của chị N1 ngày 20/11/2018, chị N1 không yêu cầu N bồi thường thiệt hại.

Đối với chiếc xe máy biển số 98D1- 471.00 là xe máy của chị Đỗ Thị N3 đòi cho N trước đó để đi lại. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị N3. (bút lục 77, 78).

Về trách nhiệm dân sự: Chị N1 yêu cầu bồi thường tiền viện phí, tiền thuốc, chi phí đi khám, chữa bệnh là 35.000.000 đồng; tiền bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tinh thần theo quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị T là mẹ của bị can N đã bồi thường cho chị N1 số tiền 9.000.000 đồng và trả tiền viện phí một lần số tiền 1.591.391 đồng. (bút lục 176, 196).

Bản cáo trạng số 13/CT-VKS-P2 ngày 09/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Đỗ Duy N về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã truy tố; do mâu thuẫn giữa hai vợ chồng trong đời sống sinh hoạt và bức xúc từ việc vợ chồng chị Đỗ Thị N3 (em gái N) mang xe máy 98H1- 168.29 đến trả cho chị N1. N bảo chị N3, chị N1 mang xe về cho N nhưng chị N3 và chị N1 không đồng ý. Bị cáo N khai đã dùng dao chuôi bằng gỗ (dạng dao thái) dài hơn 20cm cầm trên tay phải chém nhiều nhát vào vùng đầu, mặt, tay chị N1. Hậu quả làm chị N1 bị thương tích 71%. Sau khi dùng dao chém chị N1, bị cáo rút dao ở hiện trường lấy xe máy đi đến Công an xã N3 đầu thú. Bị cáo nhận thức được việc dùng dao chém chị N1 có thể gây nguy hiểm đến tính mạng của chị N1, lúc đầu bị cáo không ý thức được. Bị cáo không có ý thức chém chị N1 để tước đoạt tính mạng của chị N1. Nhưng do lúc đó bức xúc về việc chị N1 không quan tâm đến gia đình, chồng con, không quan tâm đến con riêng của bị cáo nên bị cáo đã hành động như vậy. Sau khi sự việc xảy ra bị cáo đi đầu thú nên không đưa chị N1 đi cấp cứu được và do thấy có nhiều người ở đó đưa chị N1 đi cấp cứu rồi. Bị cáo có nhờ cơ quan điều tra thông báo về gia đình để đi bồi thường thay cho bị cáo.

- Tại phiên tòa, chị N1 khai diễn biến việc bị N dùng dao chém vào đầu, mặt và tay như đã khai trong quá trình điều tra. Khi bị cáo hỏi xe máy đâu, chị N1 không đưa chìa khóa thì bị cáo lấy dao từ trong cốp xe Lead đuôi theo chém chị N1 từ phía sau trúng vào đầu làm chị N1 ngã xuống bếp, chị N1 dơ tay lên đỡ thì bị cáo tiếp tục dùng dao chém làm chị N1 bất tỉnh. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do cuộc sống hàng ngày do chị lo toan hết, bị cáo không có trách nhiệm gì. Sau khi bị chém, chị N1 phải đi điều trị, cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang. Chị N1 đề nghị xử lý bị cáo và buộc bị cáo phải bồi thường cho chị N1 theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm:

- Bà T khai sau khi xảy ra vụ án, bà T mới biết tin N dùng dao chém chị N1. Trước đó, giữa N và chị N1 có mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng. Sau khi sự việc

xảy ra, bà T có đưa cho chị N1 số tiền 9.000.000 đồng và thanh toán tiền viện phí hơn 1,5 triệu đồng.

- Anh Đ khai ngày 20/11/2018 có xin bố tiền nhưng bố bảo xin tiền cô N1 nhưng không có tiền để cho Đ.

- Những người làm chứng là ông Trần Tiến H, bà Phạm Thị T1, chị Vi Thị Minh Q, chị Đinh Thị N2, chị Khúc Thị L, ông Phạm Văn T2, anh Vũ Anh Đ, chị Đỗ Thị N3 có mặt tại phiên tòa khai nội dung sự việc như đã khai tại Cơ quan điều tra.

+ Ông Phạm Văn T2 trình bày: Chiều 27/11/2018, ông T2 cắt tóc ở quán chị N1 thì thấy N đi xe máy Lead đến. N nói "con kia xe đâu mang cho tao không tao chém chết", chị N1 nói "xe để ở trong nhà". Chị N1 đi vào phía trong nhà, N đi qua ông T2 lấy đai cài ở sau lưng đi vào chỗ chị N1 nói "mày không mang xe ra, hôm nay tao chém chết". Ông T2 nói "N ơi, có gì vợ chồng từ từ giải quyết đừng làm điều dại dột" thì N nói "hôm nay tao chém chết con này". N du ngã chị N1, tay trái giữ đầu, chân trái tì vào sườn chị N1, còn tay phải cầm dao chém liên tiếp vào vùng đầu, mặt, tay chị N1, vừa chém N vừa nói "hôm nay tao cay, tao chém mày bằng chết rạo ra tự thú cả thể". Chị Q vào can thì bị N đập ngã, ông T2 định vào can ngăn thì N nói "chém 01 người, chém thêm người nữa thì chẳng sao" nên ông T2 không dám vào can ngăn nữa. N chém chị N1 xong vứt dao ở quán rồi lấy xe máy bỏ đi.

+ Chị Vi Thị Q; chị Đỗ Thị N3 trình bày: Chiều 27/11/2018, chị Q, chị N3 cùng chị N1, ông T2 đang ở quán cắt tóc thì N đi xe máy Lead đến và nói mang giả xe tao, chúng mày muốn chết không. N cầm dao bằng kim loại đi thẳng vào quán, chị Q ra can ngăn thì bị N đập ngã xuống nền bếp. N cầm dao ở tay phải đuổi theo chị N1 đến đoạn bếp trong quán thì N vung dao từ trên xuống chém vào đầu chị N1 làm chị N1 ngã xuống đất. N cầm dao kê cổ chị N1 nói "mày có muốn chết không". Chị Q, chị N3 chạy ra ngoài gọi người đến giúp đỡ. Khi chị Q quay lại quán thì thấy chị N1 đang nằm nghiêng trên vũng máu, hai tay vẫn che đầu, trên mặt trái có 01 vết chém và bất tỉnh. Sau đó, anh Đ1 là em rể chị N1 đưa đi cấp cứu.

Qua thẩm vấn tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu lời luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đỗ Duy N phạm tội "Giết người" và đề nghị:

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo N từ 13 năm đến 14 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/11/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS năm 2015; Điều 590 BLDS: Buộc bị cáo N phải bồi thường cho bị hại (chị N1) từ 100.700.000 đồng đến 103.480.000 đồng. Trừ 10.591.391 đồng gia đình đã bồi thường. Bị cáo còn phải bồi thường tiếp từ 90.108.609 đồng đến 92.888.609 đồng.

Đối với người liên quan là bà T không yêu cầu bị cáo trả lại tiền đã bồi thường cho gia đình bị hại nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra còn đề nghị giải quyết về vật chứng, về án phí.

Luật sư Võ Thị An B1 bào chữa cho bị cáo Đỗ Duy N nhất trí Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như Kiểm sát viên đề nghị. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự vì gia đình bị cáo đã rất tích cực bồi thường cho gia đình bị hại. Do bị cáo thấy chị N3 có mặt ở đó để đưa chị N1 đi cấp cứu nên bị cáo đã đi đầu thú mà không đưa chị N1 đi cấp cứu được. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 10 đến 12 năm tù. Về trách nhiệm dân sự: chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo, về tổn thất tinh thần đề nghị xem xét mức 20 tháng lương tối thiểu.

Bị cáo đồng ý với bài bào chữa của luật sư Võ Thị An B1 và không có ý kiến tranh luận gì. Bị cáo không bao giờ nói câu “Tao sẽ chém chết mày” như ông T2 khai.

Bị hại, chị N1: Không đồng ý bài bào chữa của luật sư, không đồng ý quan điểm của Viện kiểm sát về việc bồi thường tổn thất tinh thần từ 30 đến 32 tháng lương tối thiểu. Yêu cầu xử phạt nghiêm minh đối với bị cáo.

Kiểm sát viên đối đáp với luật sư bào chữa cho bị cáo và quan điểm của chị N1

Đối với việc luật sư đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo: Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, tuy nhiên số tiền bồi thường cho bị hại chỉ hơn 10 triệu đồng so với số tiền bị cáo phải bồi thường cho bị hại là không đáng kể, do vậy Viện kiểm sát chỉ đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo.

Về hình phạt: Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự, sau khi phạm tội thì bị cáo đã đi đầu thú, bị cáo cũng có ý thức bồi thường cho bị hại, ngoài ra bố bị cáo được tặng thưởng huân huy chương. Căn cứ tính chất hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị là không nặng, không nhẹ đối với bị cáo.

Về yêu cầu bồi thường: Do hai bên không thỏa thuận được với nhau về bồi thường tổn thất về tinh thần nên căn cứ quy định của pháp luật và xét thương tích mà bị cáo gây ra cho bị hại là 71 % thì mức bồi thường tổn thất tinh thần mà Viện kiểm sát đưa ra là 30 đến 32 tháng lương tối thiểu là phù hợp với thương tích gây ra và phù hợp với hoàn cảnh của bị cáo.

Giữa bị cáo và những người làm chứng có mặt tại hiện trường không có mâu thuẫn, thù tức gì với nhau. Căn cứ vào lời khai của bị hại, người làm chứng và những chứng cứ khác thấy rằng lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng là khách quan.

Bị cáo N không có ý kiến tranh luận gì.

Luật sư bào chữa cho bị cáo vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Lời nói sau cùng của bị cáo N: Bị cáo thấy hành vi của bị cáo là sai, vi phạm pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố xét xử: Kể từ khi khởi tố vụ án hình sự, trong giai đoạn điều tra, truy tố vụ án, HĐXX thấy Điều tra viên, Kiểm sát viên và Luật sư bào chữa cho bị cáo đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, Kiểm sát viên và Luật sư bào chữa cho bị cáo thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, không có hành vi, quyết định tố tụng nào vi phạm tố tụng.

Về sự vắng mặt của một số người làm chứng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản của Tòa án về thời gian mở phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy quá trình điều tra đã có lời khai của những người này nên việc vắng mặt của họ không trở ngại cho việc xét xử. Do đó, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng trên theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Đỗ Duy N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu, xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng; phù hợp với vết thương trên cơ thể người bị hại, các kết luận giám định và hung khí gây án nên đã có đủ cơ sở để xác định:

Tháng 02/2017, bị cáo N và chị Nguyễn Thị N1 đăng ký kết hôn và có tổ chức lễ cưới. Quá trình vợ chồng chung sống cùng nhau, N và chị N1 phát sinh mâu thuẫn. Tối ngày 20/11/2018, N và chị N1 có lời lẽ chửi mắng nhau. N đến quán cắt tóc của chị N1 đập phá đồ đạc và mang 1 số tài sản trong đó có xe máy BKS 98H1-168.29 của chị N1 về nhà mẹ đẻ là Nguyễn Thị T ở thôn P, xã N3, huyện T4.

Buổi chiều ngày 27/11/2018, N biết vợ chồng chị Đỗ Thị N3 (là em gái N) mang xe máy 98H1- 168.29 đến trả cho chị N1. N bảo chị N3, chị N1 mang xe về cho N đổi lấy xe máy của chị N3 nhưng chị N3 và chị N1 không đồng ý. Do bức tức, N xuống bếp nhà bà T lấy 01 con dao chuôi bằng gỗ, lưỡi dao bằng kim loại dạng một lưỡi sắc, phần chuôi hình trụ tròn dài 12,5cm, đường kính 3,5cm, phần lưỡi kích thước (23x7,6)cm đi đến quán cắt tóc của chị N1 tại thôn C, xã N3, huyện T4 đuổi chém chị N1 nhiều nhát vào đầu, mặt và tay. Khi thấy chị N1 gục ngã, chảy nhiều máu và không phản ứng gì, N mới dừng lại không chém tiếp. Hậu quả làm chị N1 bị thương tích 71%.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm, có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm quyền được sống, được bảo vệ tính mạng của con người mà trực tiếp trong

vụ án này. Qua đó thể hiện bị cáo là kẻ coi thường pháp luật, coi thường tính mạng của người khác. Do vậy việc xét xử nghiêm đối với bị cáo là cần thiết.

Bị cáo đã dùng hung khí nguy hiểm, chém nhiều nhát vào vùng đầu của người bị hại là nơi dễ gây ra cái chết cho bị hại, song do bị hại đã dùng tay đỡ nên không thiệt hại về tính mạng. Hành vi của bị cáo rất quyết liệt, việc người bị hại không chết là do có người can ngăn, do yếu tố khách quan mang lại do chị N1 được đưa đi cấp cứu kịp thời, nằm ngoài ý thức chủ quan của bị cáo nên hành vi của bị cáo thực hiện thể hiện ý thức tước đoạt tính mạng của bị hại.

Xét về nguyên nhân xảy ra vụ án: giữa bị cáo và bị hại chỉ có mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống thường nhật. Chỉ vì bức tức việc bị hại và em gái mình không mang xe máy về cho bị cáo, bị cáo đã dùng dao đuổi chém liên tiếp nhiều nhát vào đầu, mặt và tay chị N1 trong khi giữa bị cáo và chị N1 là vợ chồng thể hiện việc cố tình phạm tội đến cùng của bị cáo. Hành vi của bị cáo có tính chất côn đồ, coi thường pháp luật, coi thường sức khỏe, tính mạng của người khác.

Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Đỗ Duy N phạm tội “Giết người”, với tình tiết tăng nặng định khung “có tính chất côn đồ”, vi phạm vào điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật hình sự, song ở mức độ phạm tội chưa đạt.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét về nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Đỗ Duy N có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 BLHS;

Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: Sau khi gây án, bị cáo đã đến cơ quan Công an đầu thú; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai báo thành khẩn và ăn năn hối cải; gia đình bị cáo đã bồi thường cho bị hại được tổng số tiền là 10.591.391 đồng; bị cáo có bố là ông Đỗ Ngọc B được tặng thưởng Huân chương Chiến sỹ giải phóng hạng ba. Vì vậy, bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội bị cáo đã thực hiện, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và phải buộc bị cáo phải cách ly ra khỏi xã hội một thời gian dài mới có đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành con người biết tuân thủ pháp luật và là công dân có ích cho xã hội.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, chị N1 yêu cầu bị cáo N bồi thường khác khoản chi phí gồm:

- Tiền viện phí, tiền thuốc, tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe, các chi phí đi cấp cứu, khám, điều trị, thuê xe tổng số tiền 35.000.000đ. Tiền mất thu nhập trong thời gian 26 ngày điều trị và trong 03 tháng chưa làm được sau khi ra viện là 24 triệu. Tiền bù đắp tổn thất tinh thần theo quy định của pháp luật.

- Các chi phí đi cấp cứu, khám, điều trị, tiền thuê xe: 10.000.000đ.

- Tiền bù đắp tổn thất về tinh thần theo quy định.

Bà T là mẹ bị cáo đã bồi thường được tổng số tiền là **10.591.391** đồng.

Xét yêu cầu bồi thường của chị N1 thấy: Sau khi sự việc xảy ra, chị N1 phải đi cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện đa khoa Bắc Giang trong 03 đợt: Đợt 1 từ 27/11/2018 – 10/12/2018; đợt 2 từ ngày 12/02/2019 – 21/02/2019; đợt 3 là 02 ngày, tổng cộng là 26 ngày. Các yêu cầu mà chị N1 đưa ra phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận, xem xét.

Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 35 triệu đồng và 24 triệu đồng theo yêu cầu như trên của chị N1. Xét thấy việc thỏa thuận về việc bồi thường giữa bị cáo và bị hại là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận xem xét.

Đối với tiền bồi thường tổn thất về tinh thần, do các bên không thỏa thuận được nên căn cứ Điều 590 Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, cần buộc bị cáo N phải bồi thường cho chị N1 tiền bù đắp tổn thất về tinh thần 35 tháng lương tối thiểu tương ứng số tiền 48.650.000đ

Tổng cộng: 107.650.000 đồng. Trừ 10.591.391 đồng gia đình đã bồi thường. Bị cáo còn phải bồi thường tiếp 97.058.609 đồng.

Bà T không yêu cầu bị cáo phải trả lại tiền đã bồi thường nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị N1 chưa bị thiệt hại về tính mạng nên bị cáo không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

Đối với thiệt hại liên quan đến thương tích của chị Nguyễn Thị N1 phát sinh sau khi xét xử sơ thẩm thì chị N1 có quyền khởi kiện yêu cầu Đỗ Duy N bồi thường vụ án dân sự khác.

[5] Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy các vật chứng không còn giá trị sử dụng gồm:

- 01 (một) con dao chuôi bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại dạng một lưỡi sắc, phần chuôi hình trụ tròn dài 12,5cm, đường kính 3,5cm, phần lưỡi kích thước (23x7,6)cm.

- 01 (một) áo phông cộc tay màu trắng có kẻ ngang màu đỏ, có chữ "Adidas".

Trả lại cho bị cáo 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J5 màu hồng số Imei1: 357202078168235/01, Iemi2: 357203078168233/01 lắp sim số 0979.448.363 song tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Án phí dân sự sơ thẩm được tính trên số tiền còn phải bồi thường.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Duy N phạm tội "Giết người".

Căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 15, Điều 57, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đỗ Duy N 13 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/11/2018.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS năm 2015; Điều 590 BLDS: Buộc bị cáo Đỗ Duy N phải bồi thường cho bị hại chị Nguyễn Thị N1 107.650.000 đồng. Trừ 10.591.391 đồng gia đình đã bồi thường. Bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho chị N1 97.058.609 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu lãi suất theo Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3] Về vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) con dao chuôi bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại có một lưỡi sắc, phần chuôi hình trụ tròn dài 12,5cm, đường kính 3,5cm, phần lưỡi kích thước (23x7,6)cm.

- 01 (một) áo phông cộc tay màu trắng có kẻ ngang màu đỏ, ngực phía trái có chữ "Adidas".

Trả lại cho bị cáo 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J5 màu hồng số Imei1: 357202078168235/01, Iemi2: 357203078168233/01 lắp sim số 0979.448.363 song tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[4] Về án phí: Bị cáo Đỗ Duy N phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 4.853.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[5] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an tỉnh Bắc Giang;
- Cơ quan thi hành án;
- Bị cáo;
- Lưu HS, THS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Kim Dung

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Kim Dung